

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Container Việt Nam (mã chứng khoán: VSC) xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên trên **Báo cáo tài chính riêng sau kiểm toán** như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch giảm	Tỷ lệ giảm
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	155.354.444.763	246.870.748.656	91.516.303.893	37,07%

Nguyên nhân chủ yếu:

Nguyên nhân chính làm tăng lợi nhuận Công ty so với cùng kỳ:

- Lợi nhuận gộp: Trong năm 2023, tuy doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty giảm 63% (Do Công ty không còn hoạt động trong mảng Đại lý tàu biển), nhưng lợi nhuận gộp của Công ty **tăng 4,8 tỷ đồng**, tương đương 29% so với năm 2022.

- Doanh thu tài chính: Trong năm 2023, doanh thu tài chính của Công ty **tăng 44 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm 2022, xuất phát từ các khoản cổ tức, lợi nhuận từ các công ty con, công ty liên kết chuyển về trong năm.

Nguyên nhân chính làm giảm lợi nhuận Công ty so với cùng kỳ:


- Chi phí tài chính (Chi phí lãi vay và Trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết): Công ty ghi nhận khoản Chi phí lãi vay ngân hàng phát sinh từ việc vay vốn để thực hiện đầu tư các dự án được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phê duyệt, cũng như trích lập dự phòng lỗ của các công ty con, công ty liên kết trong năm. Tổng chi phí tài chính **tăng 128,3 tỷ đồng**.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty **tăng 14 tỷ đồng** so với năm 2022 do Công ty bắt đầu triển khai các dự án tư vấn chuyển đổi số, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp trong năm 2023.



Đây là các nguyên nhân chính khiến lợi nhuận sau thuế năm 2023 giảm 91.516.303.893 đồng, tương ứng với giảm 37,07% so với năm 2022.

Trân trọng.


Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC 


TỔNG GIÁM ĐỐC
Tạ Công Thông



CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	10

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0200453688 đề ngày 1 tháng 4 năm 2002

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200453688 và các thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ hai mươi sáu) được cấp ngày 28 tháng 2 năm 2024.

Hội đồng Quản trị	Ông Bùi Minh Hưng Ông Nguyễn Việt Hòa Ông Văn Trần Hoàn Ông Tạ Công Thông Ông Cáp Trọng Cường Ông Nguyễn Đức Dũng Ông Nguyễn Việt Trung	Chủ tịch (từ ngày 10/3/2023) Chủ tịch (cho đến ngày 10/3/2023) Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (cho đến ngày 10/3/2023)
Ban Giám đốc	Ông Tạ Công Thông Ông Cáp Trọng Cường Ông Bùi Minh Hưng Ông Nguyễn Thế Trọng Bà Trương Anh Thư Ông Phan Văn Hưng	Tổng Giám đốc (từ ngày 28/2/2024) Giám đốc Marketing (cho đến ngày 28/2/2024) Tổng Giám đốc (từ ngày 10/3/2023 cho đến ngày 28/2/2024) Giám đốc khai thác (cho đến ngày 10/3/2023) Tổng Giám đốc (cho đến ngày 10/3/2023) Giám đốc kỹ thuật Giám đốc tài chính (từ ngày 1/3/2024) Giám đốc tài chính (cho đến ngày 1/3/2024)
Ban Kiểm soát	Ông Trương Lý Thế Anh Bà Nguyễn Thị Kim Nhã Bà Ngô Thị Thùy Lương Bà Nghiêm Thị Thùy Dương Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Trưởng ban (từ ngày 10/3/2023) Trưởng ban (cho đến ngày 10/3/2023) Thành viên (từ ngày 10/3/2023) Thành viên Thành viên (cho đến ngày 10/3/2023)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Tạ Công Thông Ông Cáp Trọng Cường Ông Bùi Minh Hưng	Tổng Giám đốc (từ ngày 28/2/2024) Tổng Giám đốc (từ ngày 13/3/2023 cho đến ngày 28/2/2024) Tổng Giám đốc (cho đến ngày 13/3/2023)
Trụ sở chính	Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội	

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Container Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính riêng

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 53. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Giám đốc



Tạ Công Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật

Hải Phòng, Nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023 và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 29 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 53.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

*Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội
Tầng 16, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Lô E6, Khu đô thị Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm,
Hà Nội, Việt Nam
ĐT: +84 24 3946 2246, www.pwc.com/vn*



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Trần Hồng Kiên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0298-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 3725
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Đặng Thái Sơn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4668-2023-006-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		289.470.673.455	438.095.318.297
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	11.240.125.866	9.384.395.130
111	Tiền		10.340.125.866	8.234.395.130
112	Các khoản tương đương tiền		900.000.000	1.150.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.000.000.000	26.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	9(a)	1.000.000.000	26.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		259.940.409.291	388.810.051.507
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	8.362.939.881	24.289.233.758
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		403.363.871	1.070.019.414
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	5(a)	3.789.473.684	11.605.263.154
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	247.702.960.376	352.163.863.702
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(318.328.521)	(318.328.521)
140	Hàng tồn kho		24.423.533	1.184.330.434
141	Hàng tồn kho		24.423.533	1.184.330.434
150	Tài sản ngắn hạn khác		17.265.714.765	12.716.541.226
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	7(a)	5.130.548.166	-
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	11(a)	10.903.551.357	11.473.226.985
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11(b)	1.231.615.242	1.243.314.241
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		2.891.543.181.653	1.980.915.603.362
210	Các khoản phải thu dài hạn		9.473.684.211	32.368.421.053
215	Phải thu về cho vay dài hạn	5(b)	9.473.684.211	32.368.421.053
220	Tài sản cố định		32.360.613.029	37.027.030.625
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	26.942.760.028	31.609.177.624
222	Nguyên giá		74.881.245.818	80.557.184.730
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(47.938.485.790)	(48.948.007.106)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	5.417.853.001	5.417.853.001
228	Nguyên giá		6.099.124.701	6.099.124.701
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(681.271.700)	(681.271.700)
250	Đầu tư tài chính dài hạn		2.838.197.237.025	1.910.464.786.312
251	Đầu tư vào công ty con	9(b)	1.445.075.000.000	1.440.075.000.000
252	Đầu tư vào công ty liên kết	9(b)	1.494.733.359.682	489.916.443.286
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	9(b)	155.000.000	155.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	9(b)	(101.766.122.657)	(19.681.656.974)
260	Tài sản dài hạn khác		11.511.647.388	1.055.365.372
261	Chi phí trả trước dài hạn	7(b)	11.511.647.388	1.055.365.372
270	TỔNG TÀI SẢN		3.181.013.855.108	2.419.010.921.659

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 53 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		913.145.453.633	292.715.964.947
310	Nợ ngắn hạn		152.478.012.298	291.680.903.316
311	Phải trả người bán ngắn hạn	10	5.242.957.082	12.374.909.657
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.089.335.134	1.139.597.062
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11(c)	347.980.939	1.626.750.347
314	Phải trả người lao động		1.239.289.200	1.164.055.500
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	12(a)	10.965.675.795	4.199.097.000
319	Phải trả ngắn hạn khác	13	15.376.898.069	98.228.153.504
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14(a)	112.685.573.439	171.800.000.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	5.530.302.640	1.148.340.246
330	Nợ dài hạn		760.667.441.335	1.035.061.631
333	Chi phí phải trả dài hạn	12(b)	8.502.467.705	-
337	Phải trả dài hạn khác		30.000.000	30.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14(b)	749.613.698.630	-
342	Dự phòng phải trả dài hạn		2.521.275.000	1.005.061.631
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.267.868.401.475	2.126.294.956.712
410	Vốn chủ sở hữu		2.267.868.401.475	2.126.294.956.712
411	Vốn góp của chủ sở hữu	16,17	1.333.956.420.000	1.212.693.970.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.333.956.420.000	1.212.693.970.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	17	39.403.521.246	39.403.521.246
418	Quỹ đầu tư phát triển	17	646.734.369.757	646.734.369.757
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	17	247.774.090.472	227.463.095.709
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		92.419.645.709	101.861.744.053
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		155.354.444.763	125.601.351.656
440	TỔNG NGUỒN VỐN		3.181.013.855.108	2.419.010.921.659



Phạm Thị Thúy Ngọc
Người lập



Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng



Tạ Công Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 53 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	87.487.580.224	239.855.081.102
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19 87.487.580.224	239.855.081.102
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20 (66.269.577.813)	(223.438.851.267)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.218.002.411	16.416.229.835
21	Doanh thu hoạt động tài chính	21 328.115.218.710	283.671.025.428
22	Chi phí tài chính	22 (148.966.296.007)	(20.638.745.883)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(66.539.301.089)	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23 (45.419.806.086)	(31.328.023.953)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	154.947.119.028	248.120.485.427
31	Thu nhập khác	1.388.506.358	432.609.630
32	Chi phí khác	(974.175.625)	(323.943.058)
40	Lợi nhuận khác	414.330.733	108.666.572
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	155.361.449.761	248.229.151.999
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	24 (7.004.998)	(1.358.403.343)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	24 -	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	155.354.444.763	246.870.748.656



Phạm Thị Thúy Ngọc
Người lập



Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng




Tạ Công Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 53 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	155.361.449.761	248.229.151.999
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	3.692.241.970	2.456.227.087
03	Các khoản dự phòng	83.600.679.052	19.474.260.105
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	287.783.230	111.560.282
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(327.261.439.974)	(277.577.732.472)
06	Chi phí lãi vay và các chi phí đi vay khác	66.539.301.089	-
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(17.779.984.872)	(7.306.532.999)
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	25.516.810.942	(21.858.011.677)
10	Giảm hàng tồn kho	1.159.906.901	29.944.305
11	Tăng các khoản phải trả	1.211.162.234	10.916.555.097
12	Tăng chi phí trả trước	(15.586.830.182)	(506.974.407)
14	Tiền lãi vay và các chi phí đi vay khác đã trả	(2.450.000.000)	-
15	Thuế TNDN đã nộp	-	(1.355.642.332)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(6.931.537.606)	(11.019.229.900)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(14.860.472.583)	(31.099.891.913)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ	-	(17.399.878.593)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	454.545.455	432.609.630
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	-	(80.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	55.710.526.312	15.342.105.277
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(966.000.000.000)	(845.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	50.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	238.638.914.782	277.145.122.842
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(621.196.013.451)	(649.480.040.844)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	5.436.050.000
33	Tiền thu từ đi vay	850.000.000.000	171.800.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(211.800.000.000)	-
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	(121.269.397.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	638.200.000.000	55.966.653.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	2.143.513.966	(624.613.279.757)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 9.384.395.130	633.997.287.489
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(287.783.230)	387.398
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 11.240.125.866	9.384.395.130

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh 26.



Phạm Thị Thúy Ngọc
Người lập



Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng



Ta Công Thông
Tổng Giám đốc/

Người đại diện theo pháp luật
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 53 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200453688 đề ngày 1 tháng 4 năm 2002 và các thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là VSC.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 2 chi nhánh trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Chi tiết như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam – Xí nghiệp cảng Viconship
Địa chỉ: Số 1, Đường Ngô Quyền, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Địa chỉ: Số 2F Đường số 4(F), Cư xá Ngân Hàng, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐQT đề ngày 26 tháng 7 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại Quảng Ninh. Ngày 24 tháng 8 năm 2023, Công ty đã nhận được Thông báo số 18702/23 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 57 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 60 nhân viên).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 7 công ty con nắm giữ trực tiếp, 2 công ty con nắm giữ gián tiếp qua các công ty con khác và 5 công ty liên kết (Thuyết minh 9(b)) như sau:

	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31/12/2023		31/12/2022	
		Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty con trực tiếp					
1) Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Hải Phòng	74%	74%	74%	74%
2) Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	Hải Phòng	66%	66%	66%	66%
3) Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Đà Nẵng	65%	65%	65%	65%
4) Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
5) Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
6) Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
7) Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	100%	100%	100%	100%
Công ty con gián tiếp					
1) Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
2) Công ty Cổ phần Container Quy Nhơn, Bình Định	Quy Nhơn, Bình Định	54,6%	65%	54,6%	65%
Công ty liên kết					
1) Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Đà Nẵng	31%	31%	31%	31%
2) Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Hải Phòng	22%	22%	22%	22%
3) Công ty TNHH Tuyến Container T.S Hà Nội	Hải Phòng	30%	30%	30%	30%
4) Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	Hải Phòng	36%	36%	36%	36%
5) Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	Hải Phòng	35%	35%	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng với mục đích thu lãi hàng năm. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(e) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.9 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày tới hạn thu hồi.

2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Máy móc thiết bị	3 – 7 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị quản lý	3 – 5 năm
Phần mềm máy tính	3 – 5 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất không thời hạn và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.16 Các khoản dự phòng**

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

2.17 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm tài chính theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày kết thúc năm tài chính này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối/(lỗ sau thuế lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.19 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các nhà cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên, thưởng cho ban quản lý điều hành của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

2.20 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chi phí đi vay vốn.

2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Đối với báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.27 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.10 và Thuyết minh 8);
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (Thuyết minh 2.6 và Thuyết minh 6) ; và
- Dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 2.8 và Thuyết minh 9).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền mặt	202.825.130	169.702.337
Tiền gửi ngân hàng	10.137.300.736	8.064.692.793
Các khoản tương đương tiền (*)	900.000.000	1.150.000.000
	<u>11.240.125.866</u>	<u>9.384.395.130</u>

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn ban đầu dưới hoặc bằng 3 tháng với lãi suất là 3,2%/năm (năm 2022: lãi suất từ 2,9%/năm đến 5,8%/năm).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Bên thứ ba	7.287.627.284	15.258.694.328
Trong đó:		
- MAERSK A/S	4.890.339.680	3.959.110.753
- Công ty Cổ phần Giao nhận Toàn cầu DHL (Việt Nam)	1.376.377.135	1.019.931.735
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tiếp vận Long Mã	-	8.783.901.290
- Khác	1.020.910.469	1.495.750.550
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b)) (*)	1.075.312.597	9.030.539.430
	<u>8.362.939.881</u>	<u>24.289.233.758</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư phải thu ngắn hạn của các bên liên quan liên quan tới doanh thu từ phí quản lý.

5 PHẢI THU VỀ CHO VAY**(a) Ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	<u>3.789.473.684</u>	<u>11.605.263.154</u>

(b) Dài hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	<u>9.473.684.211</u>	<u>32.368.421.053</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư phải thu về cho vay bao gồm phần nợ phải trả dài hạn và phần nợ dài hạn đến hạn trả từ Công ty Cổ phần Container Miền Trung là công ty con của Công ty. Theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HDQT đề ngày 27 tháng 4 năm 2022, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc hỗ trợ vốn cho các công ty con để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Theo hợp đồng cho vay Công ty Cổ phần Container Miền Trung, thời hạn của các khoản cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Tiền gốc vay được trả định kỳ ba tháng một lần. Lãi suất khoản vay là từ 5,1%/năm đến 5,7%/năm (2022: lãi suất từ 5,1%/năm đến 5,7%/năm) và được trả định kỳ ba tháng một lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Bên thứ ba	206.759.269.173	302.386.604.941
Trong đó		
- Đặt cọc cho Gemadept để mua cổ phần (i)	-	300.000.000.000
- Đặt cọc cho công ty TNHH Đoàn Huy và công ty TNHH Huy Hoàng để mua cổ phần (ii)	161.000.000.000	-
- Phải thu liên quan đến việc điều chỉnh giá chuyển nhượng Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ ("Cảng Nam Hải Đình Vũ") (iii)	45.183.083.604	-
- Khác	576.185.569	2.386.604.941
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b)) (iv)	40.943.691.203	49.777.258.761
	<u>247.702.960.376</u>	<u>352.163.863.702</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(318.328.521)</u>	<u>(318.328.521)</u>

- (i) Số dư 300 tỷ đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là số tiền mà Công ty đặt cọc cho Công ty Cổ phần Gemadept ("Gemadept") để mua lại một phần vốn góp của Gemadept tại Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ ("Cảng Nam Hải Đình Vũ"). Trong năm 2023, Công ty đã hoàn thành thủ tục mua 35% vốn góp tại đơn vị này, chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 9.
- (ii) Số dư 161 tỷ đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 thể hiện số tiền Công ty đặt cọc cho Công ty TNHH Thương mại Kim khí Xuất nhập khẩu Huy Hoàng ("công ty TNHH Huy Hoàng") theo hợp đồng đặt cọc số 02/2023/HĐĐC/HH-VSC đề ngày 6 tháng 4 năm 2023 và Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Đoàn Huy ("công ty TNHH Đoàn Huy") theo hợp đồng đặt cọc số 03/2023/HĐĐC/ĐH-VSC đề ngày 21 tháng 12 năm 2023 để mua phần vốn góp của 2 công ty này tại Cảng Nam Hải Đình Vũ (Thuyết minh 9).

Theo điều khoản của các hợp đồng đặt cọc nói trên, Công ty được mua đến mức tối đa toàn bộ phần vốn góp của công ty TNHH Đoàn Huy và công ty TNHH Huy Hoàng tại Cảng Nam Hải Đình Vũ với tổng số tỷ lệ phần vốn góp là 64,99%. Thời hạn hiệu lực của số tiền đặt cọc là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng đặt cọc. Giá chuyển nhượng sẽ được các bên thương thảo, căn cứ vào các điều kiện đã được thống nhất trong các hợp đồng đặt cọc và phụ lục hợp đồng nêu trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (TIẾP THEO)

(iii) Số dư 45.183.083.604 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty đã thực trả cho Bên chuyển nhượng là 1.050.000.000.000 Đồng và giá trị chuyển nhượng sau điều chỉnh thể hiện trên hóa đơn của Bên chuyển nhượng phát hành cho Công ty là 1.004.816.916.396 Đồng, liên quan tới khoản đầu tư 35% của Công ty vào Cảng Nam Hải Đình Vũ (Thuyết minh 9).

(iv) Các khoản phải thu ngắn hạn khác với các bên liên quan là các khoản Công ty tạm ứng cho các công ty con nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho các công ty này. Các khoản tạm ứng này không có thời hạn thu hồi và không chịu lãi suất.

7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2023 VND	2022 VND
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	5.130.548.166	-

(b) Dài hạn

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thiết kế và sửa chữa văn phòng	10.721.912.362	-
Công cụ, dụng cụ	597.299.420	169.211.545
Khác	192.435.606	886.153.827
	<u>11.511.647.388</u>	<u>1.055.365.372</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	1.055.365.372	548.390.965
Tăng	11.482.671.181	2.772.718.182
Phân bổ trong năm	(1.026.389.165)	(2.265.743.775)
Số dư cuối năm	<u>11.511.647.388</u>	<u>1.055.365.372</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	21.784.803.233	616.647.000	56.570.559.180	1.585.175.317	80.557.184.730
Thanh lý (*)	-	-	(5.605.029.821)	(70.909.091)	(5.675.938.912)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	21.784.803.233	616.647.000	50.965.529.359	1.514.266.226	74.881.245.818
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	(14.965.133.463)	(453.319.940)	(32.158.113.373)	(1.371.440.330)	(48.948.007.106)
Khấu hao trong năm	(561.161.280)	(30.333.335)	(2.985.945.754)	(114.801.601)	(3.692.241.970)
Thanh lý	-	-	4.630.854.195	70.909.091	4.701.763.286
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	(15.526.294.743)	(483.653.275)	(30.513.204.932)	(1.415.332.840)	(47.938.485.790)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	6.819.669.770	163.327.060	24.412.445.807	213.734.987	31.609.177.624
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	6.258.508.490	132.993.725	20.452.324.427	98.933.386	26.942.760.028

(*) Thanh lý trong năm chủ yếu là xe ô tô phục vụ mục đích hành chính quản trị.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 30.780.318.532 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 35.190.475.626 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	5.417.853.001	681.271.700	6.099.124.701
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5.417.853.001	681.271.700	6.099.124.701
Giá trị khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	-	(681.271.700)	(681.271.700)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	(681.271.700)	(681.271.700)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	5.417.853.001	-	5.417.853.001
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5.417.853.001	-	5.417.853.001

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 681.271.700 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 681.271.700 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

9 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 31/12/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
(a) Ngắn hạn						
(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại	1.000.000.000	1.000.000.000	-	26.000.000.000	26.000.000.000	-
(b) Dài hạn						
(i) Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP	518.850.000.000	1.763.437.500.000	-	518.850.000.000	1.805.760.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	80.400.000.000	121.404.000.000	-	80.400.000.000	83.616.000.000	-
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	19.825.000.000	37.072.750.000	-	19.825.000.000	33.702.500.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	110.000.000.000	(*)	-	110.000.000.000	(*)	-
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh (**)	20.000.000.000	(*)	(1.841.210.114)	15.000.000.000	(*)	-
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	620.000.000.000	(*)	(58.033.070.643)	620.000.000.000	(*)	-
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	76.000.000.000	(*)	-	76.000.000.000	(*)	-
	1.445.075.000.000	1.921.914.250.000	(59.874.280.757)	1.440.075.000.000	1.923.078.500.000	-
(ii) Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	14.430.000.000	39.960.000.000	-	14.430.000.000	24.242.400.000	-
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	80.991.207.286	70.561.600.000	-	80.991.207.286	61.741.400.000	-
Công ty TNHH Tuyển Container T.S. Hà Nội	2.002.500.000	(*)	-	2.002.500.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	392.492.736.000	(*)	(35.083.924.800)	392.492.736.000	(*)	(19.681.656.974)
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ (***)	1.004.816.916.396	(*)	(6.807.917.100)	-	-	-
	1.494.733.359.682	110.521.600.000	(41.891.841.900)	489.916.443.286	85.983.800.000	(19.681.656.974)
(iii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty TNHH MSC Việt Nam	155.000.000	(*)	-	155.000.000	(*)	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

9 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(*) Đối với các đơn vị đầu tư là các công ty có cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM"), giá trị hợp lý được tính dựa trên giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với các khoản đầu tư còn lại, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hiện không có hướng dẫn chi tiết về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Ngày 21 tháng 8 năm 2023, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 17/2023-NQ-HĐQT thông qua việc góp thêm vốn để tăng vốn điều lệ của công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh – công ty con của Công ty từ 15 tỷ Đồng Việt Nam lên thành 20 tỷ Đồng Việt Nam.

(***) Trong năm 2023, Công ty và hai công ty khác là công ty Đoàn Huy và công ty Huy Hoàng đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp để mua toàn bộ Cảng Nam Hải Đình Vũ từ Công ty Cổ phần Gemadept và các chủ sở hữu là các cá nhân. Giá trị chuyển nhượng sau điều chỉnh thể hiện trên hóa đơn của Bên chuyển nhượng phát hành cho Công ty là 1.004.816.916.396 Đồng, tương ứng với 35% tỷ lệ cổ phần của Công ty tại Cảng Nam Hải Đình Vũ. Giá trị chuyển nhượng cổ phần được tham khảo từ giá trị doanh nghiệp theo biên bản định giá của một công ty định giá độc lập.

(****) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản đầu tư sau của Công ty được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 14):

- Công ty TNHH Một Thành Viên Trung tâm Logistics Xanh
- Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Cảng Xanh;
- Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ.

Các khoản đầu tư sau của Công ty được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của công ty con và bên thứ ba:

- Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP.

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Bên thứ ba	1.996.850.162	3.444.639.949
Trong đó:		
- Công ty TNHH FPT Digital	1.641.600.000	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Nam Sung Shipping Việt Nam tại Hải Phòng	-	755.351.800
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng hải Macs tại Hải Phòng	-	741.550.000
- Khác	355.250.162	1.947.738.149
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	3.246.106.920	8.930.269.708
	<u>5.242.957.082</u>	<u>12.374.909.657</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1/1/2023 VND	Số phát sinh trong năm VND	Cán trừ VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	
(a) Thuế GTGT được khấu trừ					
Thuế GTGT	11.473.226.985	6.790.397.012	(7.360.072.640)	10.903.551.357	
(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước					
Thuế TNDN	1.238.620.240	-	(7.004.998)	1.231.615.242	
Thuế đất	4.694.001	-	(4.694.001)	-	
	1.243.314.241	-	(11.698.999)	1.231.615.242	
	Tại ngày 1/1/2023 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số thực trả trong năm VND	Cán trừ VND	Tại ngày 31/12/2023 VND
(c) Phải nộp					
Thuế GTGT	19.491.029	8.467.332.961	(1.105.033.749)	(7.360.072.640)	21.717.601
Thuế TNDN	-	7.004.998	-	(7.004.998)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.607.259.318	5.785.179.917	(7.066.175.897)	-	326.263.338
Thuế đất	-	4.550.446.058	(4.545.752.057)	(4.694.001)	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác	-	62.212.656	(62.212.656)	-	-
	1.626.750.347	18.872.176.590	(12.779.174.359)	(7.371.771.639)	347.980.939

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

(a) Ngắn hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chi phí thưởng nhân viên	7.678.114.480	4.199.097.000
Lãi vay (*)	3.287.561.315	-
	<u>10.965.675.795</u>	<u>4.199.097.000</u>

(*) Khoản lãi vay phát sinh từ khoản vay với Gemadept theo hợp đồng vay số 01/HĐVV/GMD-VSC đề ngày 29 tháng 5 năm 2023 (Thuyết minh 14).

(b) Dài hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Lãi vay (**)	<u>8.502.467.705</u>	<u>-</u>

(**) Khoản lãi vay phát sinh từ khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số 0097-2023-HĐTĐ1-BVB021 đề ngày 15 tháng 5 năm 2023. Theo đó, lãi vay được ân hạn trong vòng 21 tháng kể từ thời điểm giải ngân khoản vay và sẽ được nhập gốc trong năm 2024 và thanh toán theo các điều khoản của khoản nợ gốc trong hợp đồng vay (Thuyết minh 14(**)).

13 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Bên thứ ba	5.461.109.858	10.079.082.142
<i>Trong đó:</i>		
- Cổ tức phải trả	349.373.932	525.769.450
- Khách hàng đặt cược thuê vỏ container	259.354.019	931.354.019
- Khác	4.852.381.907	8.621.958.673
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b)) (*)	9.915.788.211	88.149.071.362
	<u>15.376.898.069</u>	<u>98.228.153.504</u>

(*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chủ yếu thể hiện các khoản tiền mà Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh – công ty con, chuyển về cho Công ty với mục đích bổ sung vốn lưu động. Số tiền lưu chuyển từ công ty con về Công ty không chịu lãi và không có thời hạn trả nợ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

14 CÁC KHOẢN VAY (TIẾP THEO)

(**) Số dư khoản vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 thể hiện khoản vay và lãi vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số 0097-2023-HĐTĐ1-BVB021 đề ngày 15 tháng 5 năm 2023. Thời hạn vay của khoản vay là 180 tháng tính từ ngày giải ngân. Mục đích của khoản vay là để Công ty thanh toán tiền mua 35% phần vốn góp tại Cảng Nam Hải Đình Vũ theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số GMD/VSC/SPA ngày 19/4/2023 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Gemadep và các phụ lục khác kèm theo.

Theo kế ước nhận nợ số 0097.01-2023-KUNN1-BVB021 ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng đề ngày 15 tháng 5 năm 2023, khoản gốc vay được ân hạn trong vòng 21 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau đó Công ty sẽ phải hoàn trả gốc vay trong 53 phân kỳ, mỗi phân kỳ là 3 tháng/lần. 52 phân kỳ đầu tiên trả 13,2 tỷ đồng và phân kỳ cuối cùng trả 13,6 tỷ đồng.

Cũng theo kế ước nhận nợ này, lãi vay của khoản vay là 14%/năm cho 6 tháng đầu tiên sau đó được điều chỉnh bằng lãi vay cơ sở bằng Đồng Việt Nam dành cho khách hàng doanh nghiệp kỳ hạn 13 tháng theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + 4%/năm. Lãi vay được ân hạn trong vòng 21 tháng kể từ ngày giải ngân và lãi vay sẽ nhập gốc trong thời gian ân hạn vào tháng thứ 6, 12, 18, 21 kể từ ngày giải ngân. Sau thời gian ân hạn lãi, lãi vay được trả hàng tháng vào ngày 25 hàng tháng trong suốt thời gian còn lại của khoản vay.

Căn cứ kế ước nhận nợ số 0097.02-2023-KUNN1-BVB021 ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng đề ngày 25 tháng 11 năm 2023, số tiền lãi vay được ân hạn đã được nhập vào gốc vay là 49.613.698.630 Đồng.

Công ty sử dụng các tài sản sau để thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt:

- 100% cổ phần của Công ty và chứng khoán chưa lưu ký của các công ty con trong Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ;
- Toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền tài sản của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ;
- Phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Một Thành Viên Trung tâm Logistics Xanh (Thuyết minh 9 (****));
- Phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Cảng Xanh (Thuyết minh 9 (****));
- Quyền tài sản và phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ (Thuyết minh 9 (****)).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

15 QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

Biến động về Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty trong năm tài chính như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Số dư đầu năm	1.148.340.246	2.867.570.146
Trích lập trong năm (Thuyết minh 17)	9.881.000.000	5.200.000.000
Sử dụng trong năm	(5.499.037.606)	(6.919.229.900)
Số dư cuối năm	<u>5.530.302.640</u>	<u>1.148.340.246</u>

16 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	31/12/2023 Cổ phiếu phổ thông	31/12/2022 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>133.395.642</u>	<u>121.269.397</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>133.395.642</u>	<u>121.269.397</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>133.395.642</u>	<u>121.269.397</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông của Công ty là các cổ đông tổ chức và cá nhân. Mỗi một cổ đông tổ chức và cá nhân đều sở hữu dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

17 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu (***) VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	551.227.980.000	36.141.891.246	646.734.369.757	221.399.754.053	1.455.503.995.056
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	246.870.748.656	246.870.748.656
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.200.000.000)	(5.200.000.000)
Thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(4.100.000.000)	(4.100.000.000)
Vốn tăng trong năm	551.227.980.000	3.261.630.000	-	-	554.489.610.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021	110.238.010.000	-	-	(110.238.010.000)	-
Tạm ứng cổ tức năm 2022	-	-	-	(121.269.397.000)	(121.269.397.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.212.693.970.000	39.403.521.246	646.734.369.757	227.463.095.709	2.126.294.956.712
Trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 15) (*)	-	-	-	(9.881.000.000)	(9.881.000.000)
Thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	(3.900.000.000)	(3.900.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	155.354.444.763	155.354.444.763
Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2022 (**)	121.262.450.000	-	-	(121.262.450.000)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.333.956.420.000	39.403.521.246	646.734.369.757	247.774.090.472	2.267.868.401.475

(*) Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 10 tháng 3 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc tạm ứng cổ tức (đã thực hiện trong năm 2022) và việc chia cổ tức bằng cổ phiếu (thực hiện trong năm 2023) từ nguồn lợi nhuận của năm 2022, đồng thời, trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

17 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

(**) Ngày 14 tháng 6 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐQT đưa ra phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới), trong đó, ngày đăng ký cuối cùng của các cổ đông là ngày 22 tháng 8 năm 2023.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐQT thông qua kết quả phát hành 12.126.245 cổ phiếu để trả cổ tức cho các cổ đông của Công ty, nâng tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành lên 133.395.642 cổ phiếu, đồng thời thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1.333.956.420.000 Đồng. Cũng trong ngày này, Công ty đã thực hiện báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đến UBCK và được UBCK chấp thuận phát hành thành công qua Công văn số 5977/UBCK-QLCB đề ngày 30 tháng 8 năm 2023.

Sau đó, ngày 7 tháng 9 năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng đã cấp giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 25, trong đó điều chỉnh tăng vốn chủ sở hữu lên 1.333.956.420.000 Đồng.

(***) Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 10 tháng 3 năm 2023, Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐQT đề ngày 14 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐQT đề ngày 13 tháng 7 năm 2023, và Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 10 tháng 8 năm 2023, Công ty đã thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với tỷ lệ 1:1. Tổng số tiền dự kiến thu được từ việc phát hành này là 1.333.963.360.000 Đồng. Mục đích của đợt chào bán là nhận chuyển nhượng thêm tối đa 44% vốn điều lệ của Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ ("Công ty Mục tiêu") từ các thành viên góp vốn hiện hữu của Công ty Mục tiêu trong năm 2024 với tổng số tiền 1.320.000.000.000 Đồng, phần còn lại được bổ sung vào vốn lưu động. Thời gian dự kiến chào bán là trong năm 2024.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, Công ty đã nhận được chấp thuận của Ủy ban chứng khoán về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 443/GCN-UBCK. Thời gian chào bán trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực (Thuyết minh 32(b)).

18 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số ngoại tệ 170,41 Đô la Mỹ, tương đương 4.131.567 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 584,68 Đô la Mỹ, tương đương 13.874.416 Đồng).

19 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	39.177.597.281	164.709.275.430
Doanh thu thuần từ dịch vụ lưu bãi, chạy lạnh, kiểm hóa	273.283.806	27.927.492.807
Doanh thu thuần từ dịch vụ bốc dỡ container	-	10.673.177.586
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ quản lý	26.430.239.760	16.549.338.560
Doanh thu thuần từ hoạt động khác	21.606.459.377	19.995.796.719
	<u>87.487.580.224</u>	<u>239.855.081.102</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2023 VND	2022 VND
Chi phí mua hàng hóa	38.239.444.522	160.299.641.399
Chi phí nhân viên	9.823.135.625	13.125.246.844
Chi phí khấu hao	3.692.241.970	2.456.227.087
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.137.330.236	47.448.228.402
Chi phí khác	377.425.460	109.507.535
	<u>66.269.577.813</u>	<u>223.438.851.267</u>

21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con, công ty liên kết (Thuyết minh 27(a))	324.045.868.409	274.485.892.924
Cổ tức được chia từ khoản đầu tư khác	179.000.000	57.200.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	609.120.136	7.022.656.800
Lãi từ hoạt động cho vay (Thuyết minh 27(a))	1.966.100.695	1.576.607.741
Khác	1.315.129.470	528.667.963
	<u>328.115.218.710</u>	<u>283.671.025.428</u>

22 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	82.084.465.683	19.681.656.974
Chi phí đi vay	66.539.301.089	-
Khác	342.529.235	957.088.909
	<u>148.966.296.007</u>	<u>20.638.745.883</u>

23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	29.647.008.235	19.859.788.597
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.322.845.581	7.455.218.210
Khác	4.449.952.270	4.013.017.146
	<u>45.419.806.086</u>	<u>31.328.023.953</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**
24 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	155.361.449.761	248.229.151.999
Thuế tính ở thuế suất 20%	31.072.289.952	49.645.830.400
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	348.112.825	2.684.860.133
Chênh lệch tạm thời mà không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	16.777.692.456	3.936.331.395
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	16.653.883.447	-
Thu nhập cố tức nhận được từ các khoản đầu tư tài chính không chịu thuế TNDN	(64.844.973.682)	(54.908.618.585)
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>7.004.998</u>	<u>1.358.403.343</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:		
Thuế TNDN – hiện hành	7.004.998	1.358.403.343
Thuế TNDN – hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN	<u>7.004.998</u>	<u>1.358.403.343</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Các khoản lỗi tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗi. Số lỗi thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗi ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Kỳ phát sinh lỗi	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗi phát sinh VND	Số lỗi còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Chưa kiểm tra	<u>(83.269.417.235)</u>	<u>(83.269.417.235)</u>

Công ty không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗi tính thuế trên vì khả năng Công ty có thu nhập kinh doanh chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗi tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

25 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong kỳ kế toán từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2023 VND	2022 VND
Chi phí mua hàng hóa	38.239.444.522	160.299.641.399
Chi phí nhân viên	39.470.143.860	32.985.035.441
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.460.175.817	54.903.446.612
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.692.241.970	2.456.227.087
Khác	4.827.377.730	4.122.524.681
	<u>111.689.383.899</u>	<u>254.766.875.220</u>

26 CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	2023 VND	2022 VND
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	121.262.450.000	110.238.010.000
Cán trừ công nợ nội bộ và các khoản lợi nhuận được chia	87.995.174.493	18.119.490.998
Cán trừ công nợ nội bộ và chi trả quỹ khen thưởng phúc lợi giữa Công ty và các công ty con	2.100.000.000	-
Cán trừ khoản phải trả với tiền thanh lý tài sản cố định	980.980.904	-
Lãi nhập gốc vay trong năm (Thuyết minh 14)	52.299.272.069	-
<i>Trong đó:</i>		
- Vay ngắn hạn	2.685.573.439	-
- Vay dài hạn	49.613.698.630	-
	<u>214.341.781.906</u>	<u>118.357.501.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty là một công ty cổ phần.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Tên	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP	Công ty con
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	Công ty con
- Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	Công ty con
- Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	Công ty con gián tiếp
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty liên kết
- Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	Công ty liên kết
- Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty liên kết
	(trở thành bên liên quan từ ngày 31/5/2023)
- Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát/Ban Giám đốc/Kế toán trưởng	Nhân sự quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	2023 VND	2022 VND
(i) Doanh thu bán hàng		
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	16.817.547.868	54.621.577.164
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	8.696.299.510	65.141.438.841
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	6.310.632.003	19.912.575.456
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	4.159.871.862	14.037.915.027
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	2.751.832.230	10.923.045.060
Công ty Cổ phần Cảng Cạn Quảng Bình - Đĩnh Vũ	270.726.899	72.723.882
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đĩnh Vũ	151.603.200	-
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	19.083.709	-
	<u>39.177.597.281</u>	<u>164.709.275.430</u>
(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	13.970.809.200	1.416.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	9.828.000.000	9.384.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	5.694.239.760	4.012.144.889
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	1.932.000.000	1.116.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	1.932.000.000	1.116.000.000
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	-	208.700.000
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	-	202.907.360
	<u>33.357.048.960</u>	<u>17.455.752.249</u>
(iii) Bán tài sản cố định		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	980.980.904	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	454.545.455	-
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	-	166.666.667
Ông Nguyễn Việt Trung	-	46.296.296
	<u>1.435.526.359</u>	<u>212.962.963</u>
(iv) Thu nhập khác		
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đĩnh Vũ	-	323.756.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
(v) Mua dịch vụ		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	7.570.266.000	10.880.684.977
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	6.253.947.817	12.605.605.844
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	643.886.530	918.906.296
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	-	3.003.552.343
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	-	1.835.874.471
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	-	542.210.000
Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội	-	70.830.300
	<u>14.468.100.347</u>	<u>29.857.664.231</u>
(vi) Cho vay		
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	-	18.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	-	15.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	-	21.000.000.000
	<u>-</u>	<u>54.000.000.000</u>
(vii) Thu gốc từ cho vay		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	15.000.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	10.894.736.842	10.105.263.158
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	4.815.789.470	4.236.842.119
	<u>30.710.526.312</u>	<u>14.342.105.277</u>
(viii) Lãi cho vay (Thuyết minh 21)		
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	1.050.197.373	860.755.830
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	596.617.160	168.657.534
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	319.286.162	547.194.377
	<u>1.966.100.695</u>	<u>1.576.607.741</u>
(ix) Lãi cho vay đã thu		
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	1.121.923.570	709.405.504
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	765.274.694	-
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	323.995.962	545.194.521
	<u>2.211.194.226</u>	<u>1.254.600.025</u>
(x) Góp vốn các bên liên quan		
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	5.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	-	530.000.000.000
	<u>5.000.000.000</u>	<u>545.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
(xi) Lợi nhuận được chia từ các công ty con, công ty liên kết (Thuyết minh 21)		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	188.100.000.000	117.562.500.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	118.644.349.832	108.721.061.505
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	8.040.000.000	4.020.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh	5.312.618.577	18.340.125.480
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	2.616.900.000	991.250.000
Công ty Cổ phần Cảng Logistics Đà Nẵng	1.332.000.000	1.998.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	-	20.746.955.939
Công ty TNHH Tuyển Container T.S. Hà Nội	-	2.106.000.000
	324.045.868.409	274.485.892.924
(xii) Thu hộ trả hộ về thường hoàn thành kế hoạch cho nhân sự các công ty con		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	-	81.500.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	-	148.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	-	81.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh	-	153.500.000
	-	464.000.000
(xiii) Các khoản thu hộ trả hộ các công ty con khác		
Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Cảng Xanh	3.934.384.900	5.551.255.000
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	-	51.190.942
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	-	47.921.532
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh	-	5.484.263.224
	3.934.384.900	11.134.630.698
(xiv) Chi trả hộ quỹ khen thưởng phúc lợi cho công ty con		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	2.100.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	600.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	-	300.000.000
	2.700.000.000	600.000.000
(xv) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm lương, thưởng, các khoản nhận được từ quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành từ lợi nhuận để lại của Công ty.		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		2023 VND	2022 VND
(xv) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt (tiếp theo)			
Hội đồng quản trị			
Ông Bùi Minh Hưng	Chủ tịch (từ ngày 10/3/2023)	3.571.602.000	2.962.138.000
Ông Nguyễn Việt Hoà	Chủ tịch (cho đến ngày 10/3/2023)	733.854.000	2.429.589.000
Ông Cáp Trọng Cường	Thành viên	2.668.370.500	-
Ông Nguyễn Đức Dũng	Thành viên	2.091.100.000	-
Ông Văn Trần Hoàn	Thành viên	440.000.000	450.000.000
Ông Tạ Công Thông	Thành viên	440.000.000	450.000.000
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên (cho đến ngày 10/3/2023)	480.000.000	450.000.000
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên (cho đến ngày 9/9/2022)	300.000.000	2.679.981.000
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên (cho đến ngày 9/9/2022)	-	300.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên (cho đến ngày 9/3/2022)	-	500.000.000
		<u>10.724.926.500</u>	<u>10.221.708.000</u>
Ban Kiểm soát			
Ông Trương Lý Thế Anh	Trưởng ban (từ ngày 10/3/2023)	-	-
Bà Nguyễn Thị Kim Nhã	Trưởng ban (cho đến ngày 10/3/2023)	189.854.000	338.040.000
Bà Ngô Thị Thùy Lương	Thành viên (từ ngày 10/3/2023)	-	-
Bà Nghiêm Thị Thuỳ Dương	Thành viên	120.000.000	125.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên (cho đến ngày 10/3/2023)	121.000.000	125.000.000
		<u>430.854.000</u>	<u>588.040.000</u>
Ban Giám đốc			
Ông Tạ Công Thông	Tổng Giám đốc (từ ngày 28/2/2024)		
	Giám đốc Marketing (cho đến ngày 28/2/2024)	Như trên	Như trên
Ông Cáp Trọng Cường	Tổng Giám đốc (từ ngày 10/3/2023 cho đến ngày 28/2/2024)		
	Giám đốc khai thác (cho đến ngày 10/3/2023)	Như trên	Như trên
Ông Bùi Minh Hưng	Tổng Giám đốc (cho đến ngày 10/3/2023)	Như trên	Như trên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc kỹ thuật	2.594.933.107	2.465.938.000
Bà Trương Anh Thư	Giám đốc tài chính (từ ngày 1/3/2024)	-	-
Ông Phan Văn Hưng	Giám đốc tài chính (cho đến ngày 1/3/2024)	2.316.407.000	204.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		2023 VND	2022 VND
(xv)	Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt (tiếp theo)		
	Kế toán trưởng		
	Phạm Thanh Tuấn	Kế toán trưởng (từ ngày 1/3/2024)	-
	Ông Lê Thế Trung	Kế toán trưởng (cho đến ngày 1/3/2024)	-
		<u>2.922.954.000</u>	<u>2.814.261.000</u>

(b) Số dư với các bên liên quan

		31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
(i)	Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)		
	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	900.732.597	1.498.218.974
	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	174.580.000	454.629.390
	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	-	30.348.000
	Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	-	121.651.200
	Công ty TNHH Viconship Hồ Chí Minh	-	267.061.481
	Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	-	6.528.634.115
	Công ty Cổ phần Cảng Cạn Quảng Bình – Đình Vũ	-	79.996.270
	Ông Nguyễn Việt Trung	-	50.000.000
		<u>1.075.312.597</u>	<u>9.030.539.430</u>
(ii)	Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 5(a))		
	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	3.789.473.684	4.815.789.470
	Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	-	2.368.421.052
	Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	-	4.421.052.632
		<u>3.789.473.684</u>	<u>11.605.263.154</u>
(iii)	Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 5(b))		
	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	9.473.684.211	13.263.157.895
	Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	-	12.631.578.948
	Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	-	6.473.684.210
		<u>9.473.684.211</u>	<u>32.368.421.053</u>
(iv)	Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)		
	Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	37.743.691.203	46.434.878.297
	Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	3.200.000.000	3.000.000.000
	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	-	323.756.250
	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	-	10.103.934
	Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	-	8.520.280
		<u>40.943.691.203</u>	<u>49.777.258.761</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
(v) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 10) Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	3.246.106.920	8.930.269.708
(vi) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 13) Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	9.915.788.211	87.995.174.493
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	-	81.500.000
Ông Nguyễn Văn Tiến	-	72.396.869
	<u>9.915.788.211</u>	<u>88.149.071.362</u>

28 CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai, chủ yếu là tiền thuê văn phòng, như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Dưới 1 năm	5.902.410.000	5.902.410.000
Từ 1 đến 5 năm	24.654.056.732	29.512.050.000
Trên 5 năm	14.733.347.118	15.746.826.926
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>45.289.813.850</u>	<u>51.161.286.926</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

29 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023			
	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động đầu tư tài chính VND	Tổng cộng VND
Doanh thu và thu nhập	39.177.597.281	48.309.982.943	329.503.725.068	416.991.305.292
Chi phí hoạt động trực tiếp	(38.239.444.522)	(28.030.133.291)	(149.940.471.632)	(216.210.049.445)
Tổng cộng	938.152.759	20.279.849.652	179.563.253.436	200.781.255.847
Chi phí chung không phân bổ				(45.419.806.086)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				155.361.449.761
	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022			
	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động đầu tư tài chính VND	Tổng cộng VND
Doanh thu và thu nhập	164.709.275.430	75.145.805.672	284.103.635.058	523.958.716.160
Chi phí hoạt động trực tiếp	(160.299.641.399)	(63.139.209.868)	(20.962.688.941)	(244.401.540.208)
Tổng cộng	4.409.634.031	12.006.595.804	263.140.946.117	279.557.175.952
Chi phí chung không phân bổ				(31.328.023.953)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				248.229.151.999

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

29 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023			Tổng cộng VND
	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động đầu tư tài chính VND	
Tài sản bộ phận				
Trong đó:				
Hàng tồn kho	24.423.533	-	-	24.423.533
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	8.362.939.881	-	8.362.939.881
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	3.789.473.684	3.789.473.684
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	9.473.684.211	9.473.684.211
Đầu tư vào công ty con	-	-	1.445.075.000.000	1.445.075.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	1.494.733.359.682	1.494.733.359.682
Đầu tư dài hạn khác	-	-	155.000.000	155.000.000
Tổng tài sản phân bổ	24.423.533	8.362.939.881	2.953.226.517.577	2.961.613.880.991
Tài sản không phân bổ				219.399.974.117
Tổng tài sản				3.181.013.855.108

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

29 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023			Tổng cộng VND
	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động đầu tư tài chính VND	
Nợ phải trả bộ phận				
Trong đó:				
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	-	5.242.957.082	-	5.242.957.082
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	-	1.089.335.134	-	1.089.335.134
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	-	5.461.109.858	9.915.788.211	15.376.898.069
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	-	-	112.685.573.439	112.685.573.439
<i>Chi phí phải trả dài hạn</i>	-	-	8.502.467.705	8.502.467.705
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	-	-	749.613.698.630	749.613.698.630
Tổng nợ phải trả phân bổ	-	11.793.402.074	880.717.527.985	892.510.930.059
Nợ phải trả không phân bổ				20.634.523.574
Tổng nợ phải trả				913.145.453.633

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

29 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022			Tổng cộng VND
	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động đầu tư tài chính VND	
Tài sản bộ phận				
<i>Trong đó:</i>				
<i>Hàng tồn kho</i>	1.184.330.434	-	-	1.184.330.434
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	8.592.571.694	15.696.662.064	-	24.289.233.758
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>	-	-	11.605.263.154	11.605.263.154
<i>Phải thu về cho vay dài hạn</i>	-	-	32.368.421.053	32.368.421.053
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	-	-	1.440.075.000.000	1.440.075.000.000
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>	-	-	489.916.443.286	489.916.443.286
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	-	-	155.000.000	155.000.000
Tổng tài sản phân bổ	9.776.902.128	15.696.662.064	1.974.120.127.493	1.999.593.691.685
Tài sản không phân bổ				419.417.229.974
Tổng tài sản				2.419.010.921.659
Nợ phải trả bộ phận				
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	-	12.374.909.657	-	12.374.909.657
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	-	1.139.597.062	-	1.139.597.062
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	-	10.232.979.011	87.995.174.493	98.228.153.504
Tổng nợ phải trả phân bổ	-	23.747.485.730	87.995.174.493	111.742.660.223
Nợ phải trả không phân bổ				180.973.304.724
Tổng nợ phải trả				292.715.964.947

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

30 CÁC CAM KẾT

Bảo lãnh bằng tài sản cho các công ty con:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty sử dụng các tài sản sau để thế chấp cho các nghĩa vụ của các công ty con đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt như sau:

- Toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền tài sản của Công ty đang được Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh và Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Cảng Xanh sử dụng;
- Phần vốn góp 31.260.000 cổ phần tại Công ty CP Cảng Xanh VIP (Mã chứng khoán: VGR).

Bảo lãnh bằng tài sản cho các bên thứ ba:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty sử dụng phần vốn góp 15.765.000 cổ phần tại Công ty CP Cảng Xanh VIP (Mã chứng khoán: VGR) để bảo lãnh cho các bên khác vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt để tham gia vào hợp đồng mua cổ phần tại Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ (Thuyết minh 9(b)).

Bảo lãnh thanh toán cho các công ty con và công ty liên kết:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho khoản vay của Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh – công ty con và Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ – công ty liên kết của Công ty.

31 NỢ TIỀM TÀNG

Chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng lô đất thuê

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất và đã thực hiện xây dựng công trình và hạ tầng trên các lô đất thuê này. Một số các hợp đồng này quy định việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng thuê đất được thực hiện theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo các quy định hiện hành, Công ty có thể có nghĩa vụ trong tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Công ty ra khỏi khu đất và phục hồi khu đất về trạng thái ban đầu.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc, nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được chắc chắn tùy thuộc vào các sự kiện có thể phát sinh trong tương lai, ví dụ như các thỏa thuận bổ sung với bên cho thuê đất hoặc khi cơ quan chức năng ban hành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không có điều khoản hoàn nguyên.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng khi hợp đồng thuê đất không quy định cụ thể về nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng, việc xác định các nghĩa vụ này được coi là không chắc chắn. Do đó, Ban Giám đốc chưa ghi nhận khoản dự phòng hoàn nguyên này vào báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

32 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO

(a) Công ty trở thành cổ đông lớn của Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An

Ngày 30 tháng 1 năm 2024, Công ty đã mua 2.150.500 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An, nâng tỉ lệ cổ phiếu nắm giữ tại công ty này từ 3.128.000 cổ phiếu lên 5.278.500 cổ phiếu, tương đương với tỷ lệ sở hữu là 5% cổ phần. Cũng từ ngày này, Công ty trở thành cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An.

(b) Triển khai chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng (Thuyết minh 17)

Ngày 4 tháng 1 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0104/2024/NQ-HĐQT đưa ra phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 1:1, với giá phát hành 10.000 Đồng/cổ phiếu. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành là 133.395.642 cổ phiếu. Theo đó, thời gian chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu bắt đầu từ ngày 26 tháng 1 năm 2024 đến ngày 18 tháng 3 năm 2024. Ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu cho cổ phiếu của Công ty là ngày 18 tháng 1 năm 2024.

Ngày 22 tháng 2 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0222/2024/ND-HĐQT thông qua việc triển khai thực hiện thủ tục xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 443/GCN-UBCK đề ngày 29 tháng 12 năm 2023 thêm 30 ngày kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2024.

(c) Miễn nhiệm và bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 2 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0220/2024/NQ-HĐQT thông qua việc bổ nhiệm ông Tạ Công Thông giữ chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty thay thế cho ông Cáp Trọng Cường kể từ ngày 28 tháng 2 năm 2024, đồng thời, miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Marketing của Công ty đối với ông Tạ Công Thông.

(d) Miễn nhiệm và bổ nhiệm chức vụ Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng

Ngày 27 tháng 2 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0227/2024/NQ-HĐQT thông qua việc bổ nhiệm bà Trương Anh Thư giữ chức vụ Giám đốc tài chính của Công ty thay thế cho ông Phan Văn Hưng; ông Phạm Thanh Tuấn giữ chức vụ Kế toán trưởng của Công ty thay thế cho ông Lê Thế Trung kể từ ngày 1 tháng 3 năm 2024. Đồng thời, bổ nhiệm ông Phan Văn Hưng giữ chức vụ Giám đốc Nội chính và ông Lê Thế Trung giữ chức vụ Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

32 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO (TIẾP THEO)

(e) Nhận đơn từ nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0326/2024/NQ-HĐQT đề ngày 26 tháng 3 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã tiếp nhận và chấp thuận đơn từ nhiệm của các thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm ông Văn Trần Hoàn, ông Cáp Trọng Cường và ông Tạ Công Thông. Việc từ nhiệm này sẽ được trình và chấp thuận căn cứ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông gần nhất của Công ty.

Căn cứ Biên bản họp Ban Kiểm soát số 01/2024/BB-BKS đề ngày 26 tháng 3 năm 2024, Ban Kiểm soát đã tiếp nhận và chấp thuận đơn từ nhiệm của các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm ông Trương Lý Thế Anh, bà Ngô Thị Thủy Lương. Việc từ nhiệm này sẽ được trình và chấp thuận căn cứ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông gần nhất của Công ty.

Báo cáo tài chính riêng đã được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 29 tháng 3 năm 2024.



Phạm Thị Thúy Ngọc
Người lập



Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng



Tạ Công Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật